TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 5 - 2020
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đổi;

2. Bà Lê Thị Cẩm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2020/QĐXX-ST ngày 11/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như A, sinh năm 1984 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Mai Trường B, sinh năm 1978 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như A thể hiện:

Bà A và ông Mai Trường B quen biết được 01 năm sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2020. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông B thường xuyên đánh đập bà, ông bà sống ly thân từ đó đến nay. Hiện tại, bà xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không tìm được tiếng nói chung nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Mai Trường B.

Về nuôi con chung: Qúa trình chung sống có 02 con chung tên Mai Nguyễn Phương T, sinh ngày 23/7/2009 và Mai Nguyễn Phương V, sinh ngày 18/7/2012. Sau khi

ly hôn, bà yêu cầu đươc quyền tiếp tục nuôi 02 con chung; bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Mai Trường B trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ông thống nhất lời trình bày của bà A về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn, con chung nhưng không đồng ý về nguyên nhân mâu thuẫn. Ông khẳng định trong lúc nóng giận chỉ đánh bà A 01 lần duy nhất do phát hiện bà A nhắn tin qua lại với người đàn ông khác chứ không hề đánh đập thường xuyên như lời bà A trình bày. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà A xin ly hôn, ông không đồng ý vì ông còn thương vợ con, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông bà có 02 con tên Mai Nguyễn Phương T, sinh ngày 23/7/2009 và Mai Nguyễn Phương V, sinh ngày 18/7/2012; sau khi ly hôn, ông đồng ý để hai con cho bà A tiếp tục nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dược thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Như A nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Mai Trường B có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà A và ông B tự nguyện tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn ngày 17/3/2006 tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà A yêu cầu ly hôn vì cho rằng ông B thường xuyên đánh đập bà, cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Từ tháng 01/2020, ông bà sống ly thân. Bị đơn ông B thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn cũng thừa nhận có đánh đập bà A 01 lần nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy, Bà A và ông B đều thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hai bên không còn sống chung, không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Mẫu thuẫn giữa hai bên không hòa giải được. Tại phiên tòa, bà A vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, ông B không

đồng ý, Tòa án cho thời gian để vợ chồng hàn gắn nhưng đến nay ông B cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Do đó, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Như A và ông Mai Trường B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Như A.

Về con chung: Bà A và ông B có 02 con chung tên Mai Nguyễn Phương T, sinh ngày 23/7/2009 và Mai Nguyễn Phương V, sinh ngày 18/7/2012, các con đang sống với bà Ý. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông B có ý kiến: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn, ông đồng ý để bà A tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con; đồng thời các con đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ; sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định pháp luật nên cần ghi nhận để chấp nhận yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung của bà A và ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Như A.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Như A được ly hôn với ông Mai Trường B.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Như A được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Mai Nguyễn Phương T, sinh ngày 23/7/2009 và Mai Nguyễn Phương V, sinh ngày 18/7/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Mai Trường B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Khi cần thiết các bên có thể thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Như A phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004751 ngày 21/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Đổi – Lê Thị Cẩm Tú **Lê Thị Tho**